SỞ LĐ-TB&XH TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO DANH SÁCH KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC SỞ LĐ-TB&XH, NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 56 /TB-HĐTDVC ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Số CCCD	CDNN dự tuyển (Mã số)	Trình độ và chuyên ngành đăng ký dự tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (điểm Vòng 2+ điểm ưu tiên)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
I	**Vị trí việc làm Chuyên viên về tổng hợp (tại Trung tâm Dịch vụ việc làm)**										
1	Hồ Thái Minh Anh		03/9/2002	Kinh	094302007992	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật	90		90	Trúng tuyển
2	Triệu Thanh Bình	14/9/1994		Khmer	094094000152	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Quản lý nhà nước	74	5	79	Không trúng tuyển
3	Huỳnh Hoàng Khải	17/8/1999		Kinh	094099004352	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật	58		58	Không trúng tuyển
4	Lâm Vũ Luân	04/6/2001		Kinh	094201000467	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Công nghệ thông tin	60		60	Không trúng tuyển
5	Lê Thái Nguyệt		25/11/1997	Kinh	094197006477	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật (Luật Tư pháp)	60		60	Không trúng tuyển
6	Lâm Thành Nhật	16/10/1990		Khmer	094090007743	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật	96	5	101	Trúng tuyển
7	Lê Ngọc Nhi		17/9/2001	Kinh	094301001579	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật Hành chính	70		70	Không trúng tuyển
8	Huỳnh Nhật Tân	09/11/1999		Kinh	094099000125	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật	64		64	Không trúng tuyển
9	Võ Thanh Văn	08/4/1996		Kinh	094096007458	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật Kinh tế	92		92	Trúng tuyển
II	**Vị trí việc làm Tư vấn viên dịch vụ việc làm hạng III (tại Trung tâm Dịch vụ việc làm)**										
10	Đặng Ngọc Hân		18/3/2001	Kinh	094301005415	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật	68		68	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Số CCCD	CDNN dự tuyển (Mã số)	Trình độ và chuyên ngành đăng ký dự tuyển	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (điểm Vòng 2+ điểm ưu tiên)	Ghi chú
		Nam	Nữ								
11	Ngô Văn Nuôi	26/11/1986		Kinh	094086000641	Chuyên viên, mã số 01.003	Đại học Luật	80		80	Trúng tuyển
III	**Vị trí việc làm Quản học viên (tại Cơ sở Cai nghiện ma tuý)**										
12	Lê Thanh Nhã	18/4/1985		Kinh	094085000646	Quản học viên hạng III (V.09.05.02)	Đại học Luật	72	2,5	74,5	Không trúng tuyển
13	Lê Minh Phú	25/11/1995		Kinh	094095004024	Quản học viên hạng III (V.09.05.02)	Đại học Luật	82	2,5	84,5	Trúng tuyển
14	Chung Tấn Phúc	21/6/1991		Kinh	094091009405	Quản học viên hạng III (V.09.05.02)	Đại học Luật	96		96	Trúng tuyển
15	Phan Ngọc Sơn	01/10/1996		Kinh	096096000227	Quản học viên hạng III (V.09.05.02)	Đại học Luật	60		60	Không trúng tuyển
16	Nguyễn Quang Thái	02/01/1990		Kinh	094090008769	Quản học viên hạng III (V.09.05.02)	Đại học Luật	98		98	Trúng tuyển
17	Lâm Trọng Tín	27/8/2001		Kinh	094201013960	Quản học viên hạng III (V.09.05.02)	Đại học Luật	88		88	Trúng tuyển
18	Huỳnh Thanh Tú	14/6/1980		Kinh	094080009137	Quản học viên hạng III (V.09.05.02)	Đại học Luật	86		86	Trúng tuyển
19	Nguyễn Lê Vinh	21/10/1995		Kinh	094095003102	Quản học viên hạng III (V.09.05.02)	Đại học Luật	100	5	105	Trúng tuyển
IV	**Vị trí việc làm Quản học viên trung cấp (tại Cơ sở Cai nghiện ma tuý)**										
20	Nguyễn Quốc An	20/5/1986		Kinh	094086018289	Quản học viên hạng IV (V.09.05.03)	Trung cấp Cảnh sát phòng chống tội phạm hình sự	88	2,5	90,5	Trúng tuyển
21	Ong Thuỳ Trang		21/5/1986	Kinh	094186001610	Quản học viên hạng IV (V.09.05.03)	Trung cấp Kế toán	96		96	Trúng tuyển
V	**Vị trí việc làm Công tác xã hội viên (tại Cơ sở Cai nghiện ma tuý)**										
22	Lê Hoàng Len	01/01/1986		Khmer	093086010003	Công tác xã hội viên hạng III (V.09.04.02)	Đại học Công tác xã hội (Công tác xã hội - Luật)	94	5	99	Trúng tuyển